

CÔNG TY CỔ PHẦN TỪ THIỆN XÃ HỘI FLC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỪ THIỆN XÃ HỘI FLC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FLC SOCIAL CHARITY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108746072

3. Ngày thành lập: 17/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 29, Tháp Văn Phòng FLC 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37711111

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560(Chính)
2.	Giáo dục nhà trẻ	8511
3.	Giáo dục mẫu giáo	8512
4.	Giáo dục tiểu học	8521
5.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
6.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
7.	Đào tạo sơ cấp	8531
8.	Đào tạo trung cấp	8532
9.	Đào tạo cao đẳng	8533
10.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
11.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
12.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
13.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
14.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
15.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
16.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
17.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
18.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
19.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
20.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730

21.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
22.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật	8810
23.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác	8890
24.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
25.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
26.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
27.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
28.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
29.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
30.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
31.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
34.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực về quản lý dự án xây dựng theo quy định pháp luật)	7110
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
38.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Chuyên phát (Chỉ hoạt động kho được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5320
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
43.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
44.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
45.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
48.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
49.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

50.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
51.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
55.	Bán buôn thực phẩm	4632
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
61.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép) Chi tiết: Bán lẻ băng, đĩa trắng trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
62.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
63.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép)	4764
64.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép)	4773
66.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
67.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
68.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
69.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
73.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
74.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);	5510
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
78.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng)	4662
79.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
80.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
81.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
82.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
83.	Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7820
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
85.	Bốc xếp hàng hóa	5224
86.	Bưu chính (Chỉ hoạt động kho được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5310
87.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
88.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
89.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
90.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
91.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
92.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
93.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
94.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
95.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
96.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
97.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
98.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

99.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
100.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
101.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
102.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
103.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
104.	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310
105.	Lập trình máy vi tính	6201
106.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
107.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
108.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
109.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
110.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ tổ chức các hoạt động vận tải hàng không)	5229
113.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
114.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
115.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
116.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
117.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
118.	Hoạt động thú y	7500
119.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	9103
120.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
121.	Đại lý du lịch	7911
122.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

123.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
124.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh	4669
125.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
126.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
127.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
128.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khoá, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
129.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
130.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
131.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
132.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
133.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
134.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
135.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6190
136.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
137.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
138.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
139.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

140.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại - Tư vấn về nông học	7490
141.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
142.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
143.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC	Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	0102683813	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000		
2	VŨ ĐĂNG HẢI YẾN	P314-A6 Tập thể Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	001178003203	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
3	HƯƠNG TRẦN KIỀU DUNG	Số 15/158 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	55,000	079178000013	
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	55,000		
4	TRỊNH VĂN QUYẾT	B30-BT6 Đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	026075000033	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ ĐẶNG HẢI YẾN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *29/03/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001178003203*

Ngày cấp: *05/12/2014*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P314-A6 Tập thể Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P314-A6 Tập thể Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội